

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/HS-ST
Ngày: 19/7/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nỗ Thiên Minh Trí – Chuyên viên Giáo dục và đào tạo huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Bà Nguyễn Thị Đan Thanh – Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã D, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 34/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

TRẦN NGỌC T, sinh ngày 24 tháng 3 năm 2006 (Đến ngày phạm tội thì bị cáo 17 tuổi 11 tháng 25 ngày) tại tỉnh Ninh Thuận. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Th, xã D, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc A và bà Trần Thị Anh Nh; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tạm giữ từ ngày 21/3/2024 đến ngày 27/3/2024, hiện đang tại ngoại. (Có mặt)

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Ngọc T: Anh Trần Ngọc A, sinh năm: 1980; nơi cư trú: Thôn Th, xã D, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc T: Ông Ngô Văn Phát – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn Th1, sinh năm: 1980; nơi cư trú: Thôn Th, xã D, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Xin xét xử vắng mặt)

2. Chị Lê Thị Th, sinh năm: 1980 nơi cư trú: Thôn Th, xã D, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Xin xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Ngô Văn B, sinh năm: 1976; nơi cư trú: Thôn L, xã D, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Vắng mặt)

2. Anh Diệp Nghĩa Th, sinh năm: 1999; nơi cư trú: Thôn S, xã D, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Vắng mặt)

3. Anh Trần Ngọc A, sinh năm: 1980; nơi cư trú: Thôn Th, xã D, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Ngọc T, sinh ngày 24/3/2006, làm nghề đi biển và cư trú tại thôn Th, xã D, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Khoảng 15 giờ ngày 20/3/2024, Trần Ngọc T phát hiện nhà bà Lê Thị Th, sinh ngày 03/7/1984 (cạnh nhà T) không khóa cổng, cửa nhà mở và không có ai ở nhà nên nảy sinh ý định lén lút vào nhà lấy trộm tài sản để tiêu xài cá nhân. T một mình đi bộ từ cổng vào phòng bên trong nhà, thấy một tủ gỗ màu vàng. T kéo ngăn tủ gỗ lấy trộm 01 nhẫn vàng, 01 lắc tay bằng vàng (là tài sản của vợ chồng ông Nguyễn Văn Th1, Lê Thị Th), bỏ vào túi quần. Sau đó, T đem nhẫn vàng đến tiệm vàng B L của ông Ngô Văn B, sinh ngày 12/4/1976 ở thôn L, xã D, huyện T, tỉnh Ninh Thuận bán với giá 4.770.000 đồng. T đã sử dụng 1.760.000 đồng để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Riêng 01 lắc tay bằng vàng và số tiền 3.010.000 đồng còn lại, T cất giấu tại nhà người quen tên Diệp Nghĩa Th, sinh ngày 07/5/1999, trú tại thôn S, xã D, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Ngày 26/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra trung cầu giám định kim loại vàng thu giữ được tại nhà của anh Diệp Nghĩa Th và của ông Ngô Văn B. Kết luận giám định số 2094, ngày 03/5/2024 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “01 lắc tay bằng kim loại màu vàng, ký hiệu KHS670DG, kích thước (20 x 1,2)cm, khối lượng: 13,0319 gam được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là Vàng (Au): 67,15%, Bạc (Ag): 16,17%, Đồng (Cu): 15,29%. 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng đường kính 2,5cm, mặt có họa tiết hình rồng bên trong có ký hiệu KM*T*610, khối lượng: 5,5987 gam được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là Vàng (Au): 67,11%, Bạc (Ag): 10,19%, Đồng (Cu): 21,51%”.

Kết luận định giá tài sản số 09, ngày 22/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: 01 lắc tay bằng vàng, loại 61% vàng, ký hiệu KHS670DG, kích thước (20 x 1,2)cm, cân nặng 3,47 chỉ; 01 nhẫn bằng vàng, loại 61% vàng, đường kính 2,5cm, mặt có họa tiết hình rồng, bên trong có ký hiệu KM*T*610, cân nặng 1,49 chỉ. Tổng cộng 4,96 chỉ loại vàng 61% có giá trị là 17.360.000 đồng (mười bảy triệu, ba trăm sáu mươi ngàn đồng).

Tại bản Cáo trạng số: 33/CT-VKSTN ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận đã truy tố bị cáo Trần Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T giữ quyền công tố luận tội: Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, với mức án tù 12 tháng tù đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc T trình bày lời bào chữa: Đồng ý với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Trần Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 65 BLHS của Bộ luật hình sự và Nghị Quyết số 01/2022 của HĐTP TANDTC về hướng dẫn án treo, tuyên phạt bị cáo Trần Ngọc T được hưởng án treo (ở mức thấp nhất theo đề nghị của VKS), một hình phạt cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo để bị cáo có dịp sửa chữa lỗi lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội, trở về với gia đình để làm ăn sinh sống trở thành người con hiếu thảo.

Lời nói sau cùng: Tại phiên tòa, bị cáo biết hành vi của mình là sai trái vi phạm pháp luật nên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Ngày 20 tháng 3 năm 2024 tại thôn Th, xã D, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Bị cáo Trần Ngọc T lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu đã lén lút trộm cắp của vợ chồng anh Nguyễn Văn Th1, chị Lê Thị Th 01 (Một) lắc tay bằng vàng và 01 (Một) nhẫn bằng vàng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Trần Ngọc T chiếm đoạt là 17.360.000đ (*Mười bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng*) (Theo Kết luận định giá tài sản số: 09/KL-HĐĐGTS ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T).

Xét thấy hành vi nêu trên của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác nên Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Trần Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Trần Ngọc T được xác định là người chưa thành niên quy định tại Điều 91 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

Qua xem xét hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Trần Ngọc T có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; phạm tội ít nghiêm trọng và có nơi cư trú rõ ràng nên đủ điều kiện cho hưởng án treo theo Điều 2 của Nghị quyết số: 02/VBHN-TANDTC, ngày 07 tháng 9 năm 2022, Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo. Do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo Trần Ngọc T ra khỏi đời sống xã hội mà giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung là phù hợp với quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự. Việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại vợ chồng anh Nguyễn Văn Th1 và chị Lê Thị Th đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì khác. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T trả lại cho anh Ngô Văn B, sinh ngày 12/4/1976 ở thôn L, xã D, huyện T, tỉnh Ninh Thuận số tiền 3.010.000 đồng không liên quan đến vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến.

Anh Ngô Văn B và anh Diệp Nghĩa Th không biết tài sản mà bị cáo Trần Ngọc T đem bán và cất giấu là do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh B và anh Th là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án (Ngày 19/7/2024).

Giao bị cáo Trần Ngọc T cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện T, tỉnh Ninh Thuận nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Ngọc T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 19/7/2024). Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo Trần Ngọc T)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện T;
- CQĐT CA huyện T;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Nhà tạm giữ CA huyện T;
- CC T.H.A dân sự huyện T;
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- Bị cáo, ĐD hợp pháp của bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Bị hại, người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, tập bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Tiến